

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST

Ngày: 02/7/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Pép Êban và ông Phạm Hồng Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên toà: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà H O Byă, sinh năm 1973

Địa chỉ: Buôn C, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L, thuộc văn phòng Luật sư T - Cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

* Bị đơn: Bà H R Bkrông, sinh năm 1979 và bà H N Bkrông, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk *(đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày như sau:

Do có sự quen biết với gia đình nguyên đơn nên ngày 29/4/2014 nguyên đơn có dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện K - Đắk Lắk với số tiền gốc là 30.000.000 đồng rồi sau đó cho bà H R Bkrông và H N Bkrông vay lại. Thời hạn vay tại Ngân hàng là 01 năm kể từ ngày 29/4/2014 đến ngày 29/4/2015, với lãi suất là 12%/năm.

Sau khi Ngân hàng giải ngân cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000 đồng,

nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng 94 ngày tiền lãi (kể từ ngày 29/4/2014 đến ngày 31/7/2014) tương ứng với số tiền 940.000 đồng. Sau đó nguyên đơn đã đưa cho bà H R Bkrông vay lại số tiền gốc là 23.000.000 đồng, cho H N Bkrông vay lại số tiền là 7.000.000 đồng tương ứng với lãi suất mà nguyên đơn vay Ngân hàng. Lúc này nguyên đơn cũng yêu cầu bà H R và H N đưa lại cho nguyên đơn số tiền lãi 940.000 đồng mà nguyên đơn đã trả trước đó cho Ngân hàng nhưng các bị đơn nói sau này sẽ trả luôn một lần cả lãi và gốc nên nguyên đơn cũng đồng ý.

Khi nguyên đơn đưa tiền cho bà H R Bkrông và H N Bkrông vay lại, hai bên không lập giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau là đến ngày 29/4/2015 bà H R Bkrông và H N Bkrông phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền gốc và lãi mà nguyên đơn đã vay giùm cho bị đơn.

Đến hạn trả nợ (ngày 29/4/2015) bà H R và H N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận trước đó với nguyên đơn, do đó nguyên đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 14/7/2016 là 39.380.000 đồng.

Vì nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà H R và bà H N trả lại số tiền đã vay nhưng không có kết quả nên nguyên đơn đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Sau đó nguyên đơn với bà H R và bà H N đã lập bản cam kết thỏa thuận đề ngày 13/5/2016 trong đó thể hiện nội dung bà H R và bà H N đã vay của nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000 đồng, hạn đến hết ngày 31/5/2016, bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi mà nguyên đơn đã trả cho Ngân hàng. Nguyên đơn, bà H R và bà H N có ký xác nhận bên dưới. Đến ngày 31/5/2016, bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Ngày 14/7/2016, giữa nguyên đơn với bị đơn tiếp tục lập “Giấy xác nhận trả nợ ngân hàng”, trong đó thể hiện nội dung nguyên đơn trả nợ Ngân hàng thay cho bà H R và bà H N với số tiền là “39.380.000 đồng”. Nguyên đơn, bà H R có ký xác nhận bên dưới. Bà H N có đi cùng nhưng vì không để ý nên nguyên đơn cũng không biết là bà H N không ký vào giấy xác nhận này.

Nguyên đơn xác nhận ngày 17/5/2018 bà H N Bkrông đã trả cho nguyên đơn 7.000.000 đồng tiền gốc. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà H R Bkrông trả lại số tiền gốc đã vay là 23.000.000 đồng và số tiền lãi 7.191.000 đồng. Buộc bà H N Bkrông phải trả 2.189.000 đồng tiền lãi. Buộc các bị đơn phải hoàn trả lại tiền chi phí giám định mà nguyên đơn đã chi 5.760.000 đồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn H N Bkrông khai như sau:**

Bà xác định có nợ của nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng với lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm vay. Bị đơn và nguyên đơn bà H O Byã cũng đã thỏa thuận ngày 30/4/2018, bà sẽ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 10.360.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 7.000.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày vay 29/4/2014 đến ngày trả nợ 30/4/2018 với lãi suất là 12%/năm là 3.360.000 đồng).

Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết, bà sẽ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ½ tiền giám định chữ ký.

* Đối với bị đơn là H R Bkrông được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, tại phiên tòa lần hai vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu hay ý kiến phản hồi gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không thể tiến hành lấy lời khai, đối chất và hòa giải được. Xác minh tại chính quyền địa phương được biết bà H R Bkrông đăng ký hộ khẩu thường trú, sống và làm việc tại địa phương buôn K, xã B, huyện K.

* Luật sư Nguyễn Văn L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu tại phiên tòa có nội dung như sau:

Do có sự quen biết nên ngày 29/4/2014 bà H O Byă đã dùng tài sản thế chấp vay của Ngân hàng N Chi nhánh huyện K số tiền 30.000.000 đồng, sau đó cho bà H R Bkrông vay lại số tiền 23.000.000 đồng và bà H N Bkrông vay lại số tiền 7.000.000 đồng, thời hạn vay là một năm. Đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng các bị đơn không thực hiện như cam kết nên nguyên đơn phải trả cả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tổng cộng là 39.380.000 đồng. Ngày 17/5/2018 bà H N Bkrông đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 7.000.000 đồng. Nay đề nghị HĐXX buộc bà H R Bkrông phải trả lại cho nguyên đơn 23.000.000 đồng tiền gốc và 7.191.000 đồng tiền lãi, buộc bà H N Bkrông trả cho nguyên đơn 2.189.000 đồng tiền lãi.

Về lãi suất các bên không thỏa thuận là bao nhiêu nhưng căn cứ vào thực tế bị thiệt hại, đề nghị HĐXX chấp nhận với lãi suất quá hạn của Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 14/5/2016 cho đến nay là 24 tháng cụ thể:

Bà H R Bkrông phải trả thêm số tiền lãi là $30.191.000 \text{ đồng} \times 0.75\% / \text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 5.434.380 \text{ đồng}$.

Bà H N Bkrông phải trả thêm số tiền lãi là $9.189.000 \text{ đồng} \times 0.75\% / \text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 1.654.002 \text{ đồng}$.

Đề nghị các bị đơn phải trả lại khoản tiền mà nguyên đơn đã nộp để thực hiện việc giám định chữ ký, chữ viết.

Nguyên đơn đồng ý với ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, không có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" trên cơ sở bản cam kết thỏa thuận và giấy xác nhận nợ Ngân hàng để thụ lý vụ án là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ: Lấy lời khai của nguyên đơn, trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn đúng theo quy định tại Điều 97, 98 và 102 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và chuyển cho Viện kiểm sát đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà H N Bkrông cơ bản thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà H R Bkrông không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan điểm, đường lối xử lý đối với vụ án:

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H R Bkrông có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 30.191.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày bị đơn vi phạm thỏa thuận 14/7/2016 cho đến nay. Chấp nhận bị đơn bà H N Bkrông đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 7.000.000 đồng, buộc bà H N Bkrông có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi 2.189.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất quá hạn đối với tổng số tiền 39.380.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến giao dịch dân sự về vay tài sản, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại buôn K, xã B huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn H R Bkrông đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp, không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu phản tố gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Bị đơn H N Bkrông

có tham gia hòa giải với nguyên đơn tại Tòa án nhưng cũng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về nội dung:

Theo “bản cam kết thỏa thuận” ngày 13/5/2016 (bút lục 30) và “giấy xác nhận trả nợ ngân hàng” ngày 14/7/2016 (bút lục 31 và 32), các lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xác định: Ngày 29/4/2014 bà H O Byă vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K, Đắk Lắk số tiền gốc 30.000.000 đồng với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng, sau đó cho bà H R Bkrông vay lại 23.000.000 đồng tiền gốc và bà H N Bkrông 7.000.000 đồng tiền gốc, các bị đơn có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng theo thời hạn vay và lãi suất mà nguyên đơn vay của Ngân hàng, nhưng các bị đơn không thực hiện như đã cam kết nên nguyên đơn phải thanh toán cả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng đến hết ngày 14/7/2016 với tổng số tiền là 39.380.000 đồng. Sau đó nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán lại số tiền 39.380.000 đồng nhưng các bị đơn vẫn không thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi nêu trên là vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm thời hạn và nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều 412, 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện.

Đối với bị đơn bà H N Bkrông qua hòa giải thừa nhận có vay của nguyên đơn 7.000.000 đồng tiền gốc như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả số tiền này cùng với lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn đã thừa nhận ngày 17/5/2018 bà H N Bkrông đã trả đủ số tiền gốc 7.000.000 đồng, số tiền lãi chưa trả khoản nào theo yêu cầu. Do đó HĐXX khấu trừ số tiền mà bị đơn bà H N Bkrông đã trả vào 7.000.000 đồng tiền gốc mà nguyên đơn yêu cầu. Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 2.189.000 đồng, căn cứ vào các chứng từ mà bà H O đã giao dịch tại Ngân hàng và mức lãi suất quy định hiện tại, HĐXX xét thấy có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 2.189.000 đồng.

Đối với bị đơn bà H R Bkrông, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp, tổng đặt, thông báo văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu phản tố gì, vắng mặt tại phiên tòa lần hai là thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc thống nhất số tiền nợ vay, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào “bản cam kết thỏa thuận” ngày 13/5/2016 (bút lục 30) và “giấy xác nhận trả nợ ngân hàng” ngày 14/7/2016 (bút lục 31 và 33), Kết luận giám định số 23/PC54 ngày 05/02/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. HĐXX xác định ngày 14/7/2016 giữa bị đơn bà H R Bkrông và nguyên đơn có viết giấy xác nhận trả nợ Ngân hàng thể hiện nội dung là nguyên đơn đã trả toàn bộ số tiền gốc và lãi suất 39.380.000 đồng cho Ngân hàng. Bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền này và lãi suất theo thỏa thuận nhưng đến nay bị đơn không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn là vi phạm nguyên tắc tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ và thời hạn trả nợ theo quy định tại các điều 4, 412, 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên nguyên đơn yêu cầu bị

đơn trả lại số tiền gốc 23.000.000 đồng, tiền lãi 7.191.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với lãi suất quá hạn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với tổng số tiền 39.380.000 đồng tính từ ngày 14/5/2016 và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là không có căn cứ. Theo nội dung “giấy xác nhận trả nợ ngân hàng” ngày 14/7/2016 thì hai bên thỏa thuận lãi suất theo thỏa thuận gia đình, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định lãi như sau: Thời điểm thỏa thuận ngày 14/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2018 đối với bà H R Bkrông là 23 tháng 18 ngày. Đối với bà H N Bkrông đến ngày 17/5/2018 (ngày trả nợ 7.000.000 đồng tiền gốc) là 22 tháng 03 ngày, đối với số tiền lãi 2.189.000 đồng là 23 tháng 18 ngày, cụ thể như sau:

$30.191.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 0,75\% \text{ lãi suất cơ bản} = 5.208.000 \text{ đồng}$

$7.000.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} \times 0,75\% \text{ lãi suất cơ bản} = 1.159.000 \text{ đồng}$

$2.189.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 0,75\% \text{ lãi suất cơ bản} = 377.673 \text{ đồng}$

Vậy, buộc bà H R Bkrông phải trả 30.191.000 đồng + 5.208.000 đồng = **35.399.000 đồng**, buộc bà H N Bkrông phải trả 2.189.000 đồng + 1.159.000 đồng + 377.673 đồng = **4.103.000 đồng**

[4] Đối với các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa HĐXX xét thấy có cơ sở và có căn cứ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là:

Bà H N Bkrông phải chịu 300.000 đồng. Bà H R Bkrông phải chịu 35.399.000 đồng $\times 5\% = 1.770.000 \text{ đồng}$.

Bà H O Byă là hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí đối với yêu cầu lãi quá hạn không được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn và kết luận giám định là có căn cứ nên căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.760.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi ngày 08/3/2018, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định 5.760.000 đồng, chia theo phần: Bà H N Bkrông và H R Bkrông mỗi người phải hoàn trả 2.880.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 161; 162; 203, 217, 220; 227, 228, 235; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 4, 388; 471, 474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H O Byă.

Buộc bà H N Bkrông phải trả cho bà H O Byă số tiền **4.103.000** đồng.

Buộc bà H R Bkrông phải trả cho bà H O Byă số tiền **35.399.000** đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện số tiền gốc 7.000.000 đồng đối với bà H N Bkrông.

2. Về án phí:

Bà H N Bkrông phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H R Bkrông phải chịu 1.770.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà H N Bkrông và H R Bkrông mỗi người phải hoàn trả 2.880.000 đồng tiền chi phí giám định cho bà H O Byă.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG

